

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ XÂY DỰNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC HÀ NỘI

NCS. TRẦN THỌ HIỂN

**QUẢN LÝ KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN
CÁC TUYẾN PHỐ CHÍNH KHU VỰC NỘI ĐÔ LỊCH SỬ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
(LẤY ĐỊA BÀN QUẬN BA ĐÌNH LÀM VÍ DỤ NGHIÊN CỨU)**

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN LÝ ĐÔ THỊ VÀ CÔNG TRÌNH
MÃ SỐ : 62.58.01.06

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ

Hà Nội, năm 2017

Luận án được hoàn thành tại Trường đại học Kiến trúc Hà Nội.

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS.Lê Quân
2. TS.KTS.Đào Ngọc Nghiêm

Phản biện 1: GS.TS. Đỗ Hậu

Phản biện 2: PGS.TS. Doãn Minh Khôi

Phản biện 3: PGS.TS. Lương Tú Quyên

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án cấp trường, tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội vào hồi giờ..... ngày tháng năm

Có thể tìm hiểu luận án tại:

1. Thư viện Quốc gia;
2. Thư viện Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

- **Lý do chọn đề tài**

Thủ đô Hà Nội có quá trình lịch sử hình thành và phát triển hàng nghìn năm, là nơi giao lưu hội tụ nhiều dòng văn hóa của cả nước và khu vực, chứa đựng một quỹ di sản đô thị đa dạng, phong phú và giàu bản sắc.

Là thành phố ngàn năm tuổi, đến nay Hà Nội đã trở thành một đô thị phát triển mạnh mẽ về mọi mặt nhưng không mất đi bản sắc độc đáo. Trong những năm gần đây, sự phát triển “nóng” về kinh tế - xã hội đã và đang có những tác động đáng kể đến hình ảnh đô thị, nhất là khu vực NĐLS, nơi có vị trí và vai trò đặc biệt về giá trị truyền thống. Do đó việc quản lý bảo tồn và phát triển KG, KT, CQ tại Thủ đô Hà Nội có hiệu quả là một công việc vô cùng khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải tập trung nhiều nguồn lực, đổi mới cơ chế chính sách, nâng cao năng lực quản lý của các cấp chính quyền đô thị.

Ở một số nước phát triển trên thế giới, kiến trúc, cảnh quan đô thị đã được hình thành, phát triển và quản lý theo pháp luật, QH, đồng thời áp dụng một cách hiệu quả hệ thống các chính sách, cơ chế gắn với công nghệ kỹ thuật tiên tiến nên đã đạt được nhiều thành công. Ở Việt Nam, đặc biệt tại Thủ đô Hà Nội, khu vực NĐLS thành phố Hà Nội không chỉ là khu vực lõi của đô thị Trung tâm mà còn là Trung tâm Hành chính - Chính trị quốc gia xuyên suốt nhiều thế kỷ, KG, KT, CQ nơi đây là một trong những biểu trưng của văn hóa truyền thống, là yếu tố quan trọng của cấu trúc đô thị trong quá trình phát triển Thăng Long – Hà Nội.

Tuy nhiên công tác quản lý đô thị, nhất là trong quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính hiện nay vẫn còn nhiều tồn tại bất cập, trước hết là chưa đánh giá, nhận diện được hết quỹ di sản đô thị, kiến trúc đặc trưng, hệ thống các văn bản pháp lý trong công tác QHĐT ban hành còn chậm, thiếu đồng bộ; cơ sở hạ tầng yếu kém..v.v.. dẫn đến tình trạng ùng lụt, ô nhiễm môi trường; ách tắc giao thông; cùng với đó tình trạng dân cư tự phát, gia tăng mật độ xây dựng, đặc biệt ở khu vực NĐLS đã và đang gây sức ép lớn đối với hệ thống HTKT và HTXH. Mặt khác sự phân công chồng chéo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn giữa các cơ quan quản lý từ trung ương đến địa phương chưa được giải quyết triệt để, một số nội dung quản lý còn nặng về hình thức và áp đặt đối với người dân.

Trong bối cảnh đó, việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý KG, KT, CQ tại Hà Nội là vấn đề cấp bách, nhất là địa bàn đặc biệt quan trọng của Thủ đô là quận Ba Đình, nơi có sự đa dạng về chức năng đô thị cùng với nhiều tuyến phố có không gian đẹp, cũng như những đặc trưng tương đồng với khu NĐLS thành phố Hà Nội. Vì vậy, việc nghiên cứu thí điểm quản lý KG, KT, CQ tuyến phố chính tại Quận Ba Đình không những cấp thiết về thực tiễn mà còn có thể áp dụng cho các địa bàn khác tại Hà Nội.

Do đó, việc lựa chọn đề tài “Quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội (lấy địa bàn quận Ba Đình làm ví dụ nghiên cứu)” là cần thiết và cấp bách.

- **Mục tiêu nghiên cứu**

Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu lực quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội, hướng tới xây dựng Hà Nội là Thành phố “Xanh, Văn hiến, Văn minh, Hiện đại, Bền vững” với các mục tiêu cụ thể gồm:

- 1) Đề xuất các yêu cầu hoàn chỉnh cơ sở pháp lý quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội.
- 2) Đề xuất nhóm giải pháp quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS Hà Nội trong điều kiện thực tiễn của thành phố Hà Nội.
- 3) Đề xuất mô hình tổ chức bộ máy quản lý KG, KT, CQ tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội.
- 4) Vận dụng các giải pháp để quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính tại quận Ba Đình – Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng.

- **Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu: Quản lý nhà nước về KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội

Phạm vi nghiên cứu: Các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội được xác định giới từ phía Nam Sông Hồng đến đường Vành đai 2, bao gồm 4 quận nội thành cũ: quận Ba Đình, quận Hoàn Kiếm, quận Hai Bà Trưng, quận Đống Đa và 1 phần phía Nam quận Tây Hồ. (Theo quyết định số 1259/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch chung xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050).

- **Phương pháp nghiên cứu**

Luận án sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu, được phân thành các nhóm như sau:

- 1) Phương pháp điều tra, khảo sát, thu thập thông tin và tài liệu
- 2) Phương pháp phân tích, đánh giá và tổng hợp
- 3) Phương pháp chuyên gia
- 4) Phương pháp dự báo

- **Nội dung nghiên cứu**

- 1) Khảo sát, điều tra thu thập các tài liệu, thông tin về thực trạng KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội.
- 2) Nghiên cứu, đánh giá tổng quan công tác quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội và địa bàn quận Ba Đình.
- 3) Xây dựng cơ sở khoa học đối với công tác quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính.
- 4) Kiến nghị một số mô hình và nhóm giải pháp quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội với sự tham gia của cộng đồng.
- 5) Áp dụng một số giải pháp trong công tác quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính trên địa bàn quận Ba Đình.

- **Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài**

Về lý luận: Góp phần cụ thể hóa, bổ sung và làm phong phú thêm các vấn đề về cơ sở khoa học, đồng thời đề xuất mô hình cơ cấu tổ chức để hoàn thiện hệ thống quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính tại khu vực NĐLS thành phố Hà Nội.

Về thực tiễn: Góp phần xây dựng các nguyên tắc cũng như hệ thống tiêu chí để quản lý, tạo căn cứ cho việc lập QHXD, TKĐT cải tạo chỉnh trang các tuyến phố chính khu vực NĐLS và nâng cao nhận thức tham gia của cộng đồng.

- **Những đóng góp mới của luận án trong quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội**

- 1) Đề xuất nguyên tắc và xây dựng bộ tiêu chí quản lý.
- 2) Xây dựng quy trình và các nhóm giải pháp để quản lý.
- 3) Đề xuất cơ chế chính sách, cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cấp chính quyền đô thị.
- 4) Đề xuất các biện pháp phát huy vai trò của cộng đồng.

- **Giải thích khái niệm và thuật ngữ**

– *Tuyến phố*: là đường giao thông đô thị có lòng đường và vỉa hè tiếp cận với nhóm ở, đơn vị ở, có các công trình công cộng, thương mại, dịch vụ và hoạt động của dân cư.

– *Quản lý KG, KT, CQ đô thị*: là quản lý nhà nước về hệ thống KG, KT, CQ trong đô thị bao gồm: Quản lý quy hoạch, quản lý đầu tư xây dựng và phát triển, bảo tồn tôn tạo di sản kiến trúc đô thị, quản lý khai thác sử dụng không gian kiến trúc cảnh quan đô thị...

– *Đường phố*: là đường đô thị, gồm lòng đường và hè phố.

– *Hè (hay vỉa hè, hè phố)*: là bộ phận của đường đô thị, phục vụ chủ yếu cho người đi bộ và kết hợp là nơi bố trí hệ thống HTKT đô thị dọc tuyến.

– *Lòng đường*: là bộ phận của đường đô thị, được giới hạn bởi phía trong hai bên bó vỉa, có thể bố trí hệ thống HTKT đô thị dọc tuyến khi cần thiết.

- **Cấu trúc luận án**

Phần mở đầu

Phần nội dung: bao gồm 3 chương

Chương 1: Tổng quan về công tác quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan các tuyến phố chính khu vực Nội đô lịch sử thành phố Hà Nội.

Chương 2: Cơ sở khoa học quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan các tuyến phố chính khu vực Nội đô lịch sử thành phố Hà Nội.

Chương 3: Giải pháp quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan các tuyến phố chính tại khu vực Nội đô lịch sử thành phố Hà Nội. (Lấy địa bàn quận Ba Đình làm ví dụ nghiên cứu)

Phần kết luận và kiến nghị

Danh mục các bài báo khoa học đã công bố của tác giả

Danh mục tài liệu tham khảo (86 tài liệu)

Phụ lục (16 trang)

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN CÁC TUYẾN PHỐ CHÍNH KHU VỰC NỘI ĐÔ LỊCH SỬ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

1.1. Tổng quan về quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính một số nước trên thế giới và trong nước.

1.1.1. Tổng quan về quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính một số nước trên thế giới

– Thời kỳ Cổ đại: Thời kỳ này việc quản lý KG, KT, CQ nói chung và quản lý các tuyến phố nói riêng chưa được hình thành cụ thể, chủ yếu là dựa trên quan điểm của các chủ nô và tín ngưỡng tôn giáo.

– Thời kỳ Trung đại: Các đô thị của thời kì này có bố cục phát triển tự phát, thiếu QH. KTCQ các tuyến đường tuy có những bước phát triển nhưng mới chỉ tập trung tại các trung tâm quyền lực và việc quản lý còn sơ khai, cục bộ.

– Thời kỳ Cận đại: KG, KT, CQ đô thị được phát triển và lớn mạnh với tốc độ nhanh, đồng thời cùng quá trình công nghiệp hóa, hàng loạt tư tưởng và quan điểm mới đã xuất hiện, mở đầu cho sự phát triển của ngành QHĐT hiện đại.

– Thời kỳ Hiện đại: QHĐT, TKĐT được chú trọng, theo đó việc quản lý KG, KT, CQ cũng được nâng lên một tầm cao mới.

1.1.2. Tổng quan về quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính trong nước

Tại Việt Nam, công tác quản lý KG, KT, CQ trên các tuyến phố chính đã được quan tâm và cụ thể hóa tại các văn bản pháp luật cũng như được thể hiện tại các QHCT, TKĐT,... nhằm làm công cụ hữu hiệu cho các nhà quản lý. Bên cạnh một số thành công về mặt quản lý đô thị, trong đó có công tác quản lý KG, KT, CQ đẹp trên các tuyến phố chính (ví dụ tại TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng,...) góp phần tạo dựng hình ảnh mỹ quan đô thị, thì vẫn còn đó sự thiếu đồng bộ trong các văn bản pháp luật, chưa sát sao, quyết liệt trong điều hành, sự tham gia của cộng đồng còn hạn chế nên vẫn còn nhiều bất cập trong công tác quản lý.

1.2. Khái quát quá trình hình thành và phát triển các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội

1.2.1. Quá trình đô thị hóa ở thành phố Hà Nội

Kinh tế - xã hội phát triển giúp quá trình đô thị hóa đạt được nhiều thành tựu tích cực. Tuy nhiên sự phát triển nhanh, thiếu đồng bộ, đồng thời thiếu kiểm soát sự gia tăng dân số khiến cho HTKT, HTXH chưa đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt của người dân. Mặt khác công tác quản lý của các cấp chính quyền còn nhiều bất cập, ảnh hưởng không nhỏ đến quản lý KG, KT, CQ đô thị, đặc biệt là KTCQ các tuyến phố.

1.2.2. Khái quát lịch sử phát triển khu vực NĐLS thành phố Hà Nội

NĐLS nằm tại khu vực trung tâm thành phố Hà Nội đã hình thành từ thời kỳ phong kiến. Đến thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, khu phố Cũ bắt đầu xây dựng theo QH của người Pháp, sau đó phát triển dần về phía Tây và phía Nam sông Hồng. Qua nhiều lần QH mở rộng, lúc này khái niệm NĐLS được đề cập

đến nhiều lần và đã được xác định rõ nhất tại Quyết định số 1259/QĐ-TTg ngày 26/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt QHC xây dựng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1.2.3. Vị trí, vai trò và chức năng của khu NĐLS thành phố Hà Nội

a) Vị trí: NĐLS nằm ở khu vực trung tâm của Thủ đô Hà Nội.

b) Vai trò: Là đô thị lõi của Thăng Long Hà Nội, có các khu đặc trưng tiêu biểu chứa đựng nhiều di sản văn hóa, lịch sử, kiến trúc cảnh quan.

c) Chức năng: Được thể hiện trên các khía cạnh điển hình: Nơi bố trí trung tâm đầu não hành chính, chính trị của cả nước; nơi tập trung các di tích, công trình tín ngưỡng tôn giáo, làng nghề truyền thống có ý nghĩa; nơi tập trung các trung tâm chuyên ngành khoa học kỹ thuật, an ninh quốc phòng, thương mại, dịch vụ, đô điều; nơi tập trung dân cư sinh sống cùng với các không gian cây xanh, mặt nước, thể dục thể thao v.v.

1.2.4. Đặc điểm hình thành và phát triển mạng lưới đường phố tại khu vực NĐLS thành phố Hà Nội

Trải qua suốt chiều dài sự kiện lịch sử, các tuyến phố tại Hà Nội nói chung và NĐLS nói riêng được hình thành và phát triển từ sơ khai, tự phát (thời kỳ phong kiến) đến văn minh, hiện đại (ngày nay) có sự kết hợp hài hòa giữa hệ thống mạng lưới cũ và mới; giữa cách quản lý từng thời kỳ; giữa phong tục truyền thống, lối sống của người Hà Nội và giao lưu văn hóa của các vùng miền trong và ngoài nước đã và đang tạo nên hình ảnh đô thị Văn hiến - Văn minh - Hiện đại.

1.3. Hiện trạng công tác quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội

1.3.1. Hiện trạng về KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội

Theo QHC xây dựng Thủ đô Hà Nội, khu vực NĐLS được phân thành 7 khu vực: Trung tâm chính trị Ba Đình (A1); khu di sản Hoàng Thành Thăng Long (A2); khu phố Cổ (A3); khu phố Cũ (A4); khu vực Hồ Gươm và phụ cận (A5); khu vực Hồ Tây và phụ cận (A6); khu vực hạn chế phát triển (A7). Các khu vực này cơ bản đã ổn định QHCT, tuy nhiên hình ảnh đô thị, KTCQ trên các tuyến phố còn nhiều bất cập, không gian sống đang bị thu hẹp, không gian vỉa hè, cây xanh, bị lấn chiếm hoặc sử dụng sai mục đích; việc đầu tư HTKT, tiện ích đô thị thiếu đồng bộ, manh mún, ... Không gian mặt nước cũng đang dần bị thu hẹp, không gian công cộng cho sinh hoạt cộng đồng tại các cụm dân cư còn thiếu. Bên cạnh đó chỉ tiêu về HTXH, HTKT còn thấp. Kiến trúc nhà ở tự phát, không đồng nhất làm xấu hình ảnh mỹ quan đô thị.

1.3.2. Thực trạng về công tác quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội

Công tác quản lý này từng bước thực hiện theo những định hướng chung của Nhà nước, cụ thể hóa tại các Quy định, QH, TKĐT, các quy chế quản lý, ... tuy nhiên quá trình thực thi chưa thực hiện sát sao, nghiêm minh, hình thức xử

phạt thiếu nghiêm khắc nên hệ quả là KG, KT, CQ đường phố bị ảnh hưởng nhiều mặt, cụ thể: cây xanh, mặt nước bị lấn chiếm, ô nhiễm; công trình xây dựng sai phép, không phép phải phá dỡ, cắt ngọn; các ngôi nhà siêu mỏng, siêu méo, mặt đường cao thấp trên các tuyến phố; cơ sở hạ tầng, đào đường, vỉa hè lộn xộn; các tiện ích đô thị cũ kỹ, lạc hậu,... ảnh hưởng đến nhu cầu sinh hoạt, thẩm mỹ ngày càng cao của người dân.

Mặt khác sự thiếu đồng bộ giữa các văn bản pháp luật, sự phân công chồng chéo không rõ trách nhiệm giữa các cấp quản lý cũng như thiếu sự tham gia phản biện xã hội của cộng đồng đã làm cho công tác quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội.

1.3.3. Vai trò và sự tham gia của cộng đồng trong công tác quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội

Hiện nay, khung pháp lý về sự tham gia quản lý QH, KTCQ các tuyến phố của người dân đã có rất nhiều tiến bộ, tuy nhiên các hướng dẫn chi tiết thực hiện lại có một loạt các hạn chế, đặc biệt về thời điểm và phạm vi của sự tham gia. Mặt khác, thiếu chế tài việc các cơ quan công quyền cần phản hồi các đóng góp, nên người dân cho rằng ý kiến của mình không được chính quyền cân nhắc một cách nghiêm túc. Hệ quả là sự quản lý phát triển đô thị chưa bền vững.

1.4. Các công trình nghiên cứu khoa học, các luận án tiến sỹ, luận văn thạc sỹ có liên quan

1.4.1. Các công trình nghiên cứu khoa học

Các công trình nghiên cứu khoa học cho thấy từng bước nhận diện quỹ Di sản cần bảo tồn, đã xác lập các cơ sở khoa học để đổi mới công tác quản lý KG, KT, CQ. Từ những kết quả này, luận án tiếp tục nghiên cứu kỹ hơn công tác quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội làm cơ sở đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu lực quản lý.

1.4.2. Các luận án tiến sỹ, luận văn thạc sỹ liên quan

Các nghiên cứu đã cập nhật các thông tin, các nguyên tắc cơ bản, phân tích các yếu tố mới, các bất cập về cơ sở pháp lý, lý luận trong công tác quản lý từng đối tượng của KTCQ, đồng thời đề xuất những quan điểm riêng của tác giả về quản lý những lĩnh vực này trong thực tiễn.

1.4.3. Nhận xét

Nhìn chung, trong các nghiên cứu, các tác giả đã đề xuất các mô hình và giải pháp tổ chức, nâng cao năng lực quản lý. Tuy nhiên chưa có nghiên cứu nào phân tích sự thiếu đồng bộ trong hệ thống các văn bản pháp luật về quản lý KG, KT, CQ sau khi QHC xây dựng Thủ đô Hà Nội được phê duyệt để đề xuất các giải pháp cụ thể, thống nhất trong bộ máy quản lý; cũng như xây dựng mô hình; các phương thức kỹ thuật khi cải tạo chỉnh trang các tuyến phố cũ kết hợp phát triển mở rộng các tuyến phố mới theo quy hoạch.

1.5. Các vấn đề cần tập trung nghiên cứu giải quyết

1.5.1. Đánh giá tổng hợp

- *Các ưu điểm*

- + Hệ thống văn bản pháp luật đang được tích cực điều chỉnh, bổ sung và là công cụ hữu hiệu cho công tác quản lý KG, KT, CQ;
- + Việc phân cấp quản lý đô thị từng bước được minh bạch;
- + Nhận thức của người dân, cộng đồng đã có nhiều chuyển biến tích cực.

- *Các tồn tại yếu kém*

- + Việc điều chỉnh QHC nhiều lần gây khó khăn cho công tác quản lý.
- + Đã có QHC nhưng việc triển khai các QHPK, QHCT, TKĐT còn chậm và thiếu đồng bộ.
- + Quản lý trật tự xây dựng, trật tự đô thị tại địa phương chưa nghiêm minh.
- + Công tác di dân, GPMB gặp nhiều khó khăn.

- *Cơ hội*

Sau khi phê duyệt QHC Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn 2050, nhiều QH, quy chế quản lý QHKT được triển khai, cùng với việc điều chỉnh, bổ sung hệ thống văn bản pháp luật của Nhà nước về quản lý đầu tư phát triển đô thị là công cụ hữu hiệu, tạo cơ hội thuận lợi cho việc quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố khu vực NĐLS thành phố Hà Nội.

- *Thách thức*

Sự hạn chế về nguồn lực, bất cập trong phối hợp điều hành, khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng, cũng như thiếu thống nhất giữa các văn bản pháp lý là những rào cản lớn đối với công tác quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội. Đồng thời, sự thiếu tham gia trong quá trình thực hiện của cộng đồng dân cư đã phát sinh nhiều hệ lụy không đáng có.

1.5.2. Nhận diện các vấn đề trọng tâm nghiên cứu

1) Về thực trạng: Tổng hợp, đánh giá các mặt về điều kiện tự nhiên, gia tăng dân số, HTKT, HTXH, thực trạng quản lý cũng như nhận diện các đặc trưng kiến trúc, không gian cảnh quan, quỹ di sản đô thị.

2) Về các cơ sở khoa học: Nghiên cứu các tác động của văn hóa, lịch sử, các yếu tố của điều kiện tự nhiên, lối sống,...kết hợp với kinh nghiệm thực tiễn trong và ngoài nước, đồng thời áp dụng các lý luận, lý thuyết khoa học về KTCQ làm cơ sở hình thành các đề xuất mô hình, giải pháp quản lý.

3) Về các giải pháp: Rà soát, bổ sung, hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp lý, xây dựng các nguyên tắc về bộ tiêu chí, đồng thời đề xuất một số nhóm giải pháp áp dụng cụ thể trong việc quản lý KG, KT, CQ tuyến phố chính quận Ba Đình với sự tham gia của cộng đồng cũng như tổng kết, rút kinh nghiệm áp dụng cho địa bàn Thủ đô.

CHƯƠNG 2: CƠ SỞ KHOA HỌC QUẢN LÝ KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN CÁC TUYẾN PHỐ CHÍNH KHU VỰC NỘI ĐÔ LỊCH SỬ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

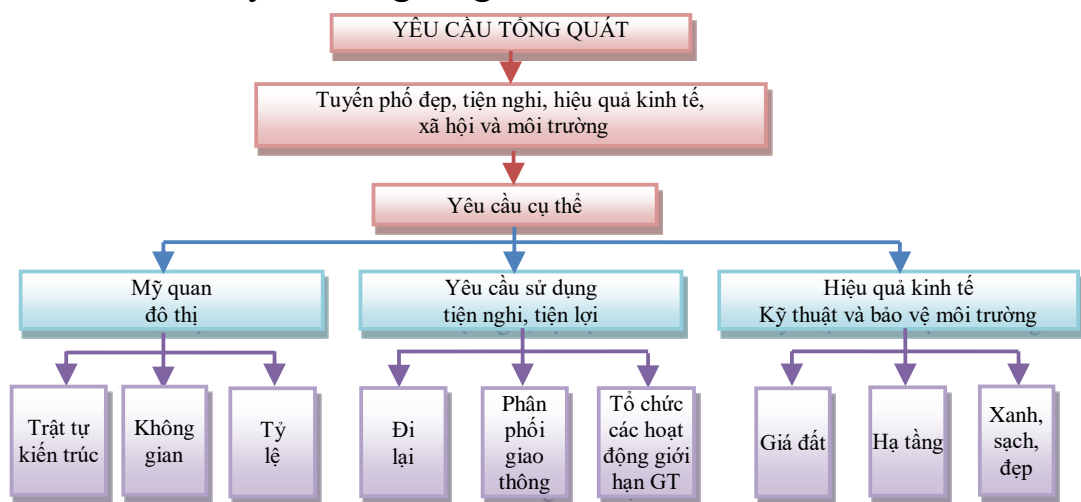
2.1. Chức năng và yêu cầu quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội

2.1.1. Các chức năng

- 1) Chức năng tổ chức giao thông và hệ thống HTKT.
- 2) Chức năng bố trí cây xanh, cải thiện môi trường.
- 3) Chức năng thẩm mỹ và lịch sử văn hóa.
- 4) Chức năng tổ chức các hoạt động văn hóa, xã hội; giao lưu, giao tiếp.
- 5) Chức năng kinh tế và đời sống dân cư, v.v.

2.1.2. Các yêu cầu quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính

- 1) Yêu cầu về sử dụng.
- 2) Yêu cầu về mỹ quan.
- 3) Yêu cầu về kỹ thuật.
- 4) Yêu cầu về vệ sinh môi trường.
- 5) Yêu cầu về truyền thông và giáo dục.



Sơ đồ 2.1: Các yêu cầu quản lý tuyến phố đô thị

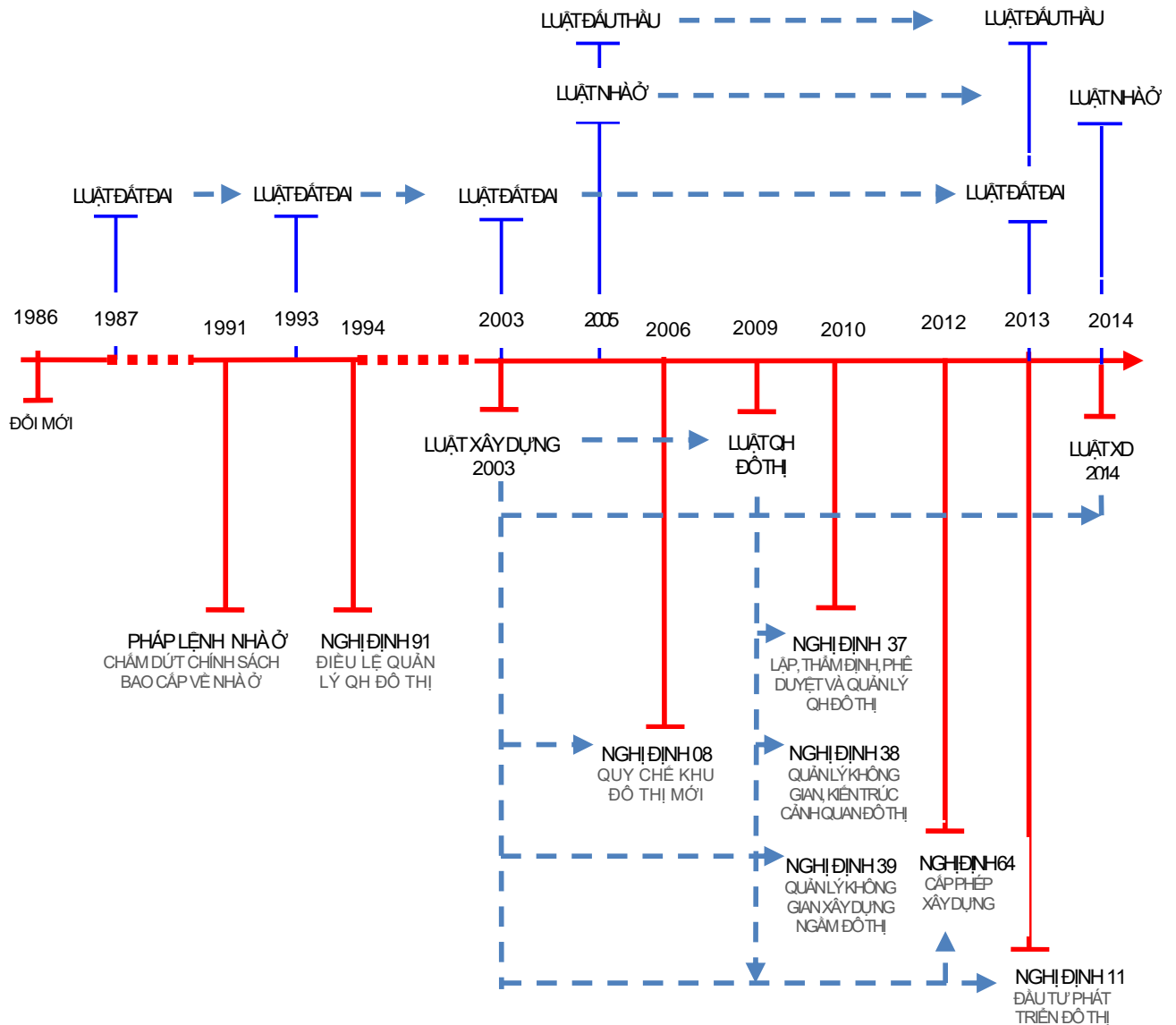
2.2. Cơ sở pháp lý quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội

2.2.1. Các chủ trương, định hướng và chính sách lớn có liên quan

Các chủ trương và chính sách lớn có liên quan là hệ thống các văn bản pháp lý mang tính định hướng vĩ mô, tổng hợp nhiều lĩnh vực quản lý xã hội liên quan đến công tác quản lý KTCQ tại các đô thị Việt Nam, trong đó có NĐLS thành phố Hà Nội; việc ban hành các văn bản này được phân cấp theo thẩm quyền và quy định pháp luật.

2.2.2. Hệ thống các văn bản pháp quy phạm pháp luật

Khung pháp lý liên quan đến QH, Xây dựng đô thị do các cấp có thẩm quyền ban hành là những công cụ để quản lý đô thị, cụ thể về không gian đô thị, kiến trúc công trình, HTKT, HTXH, tiện ích đô thị, v.v. cũng như bảo tồn, tôn tạo, giữ gìn các khu vực đặc trưng văn hóa lịch sử.



Sơ đồ 2.2: Quá trình hoàn thiện thể chế pháp lý trong công tác Quản lý xây dựng và quản lý KTCQ tại Việt Nam. [Nguồn: Tác giả]

2.2.3. Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

Quy chuẩn xây dựng Việt Nam QCVN 01:2008 về Quy hoạch xây dựng là quy định bắt buộc phải tuân thủ trong quá trình lập, thẩm định và phê duyệt các đồ án Quy hoạch xây dựng, là cơ sở pháp lý để quản lý xây dựng theo quy hoạch tại địa phương.

Ngoài ra có thể tham khảo thêm các qui chuẩn, tiêu chuẩn chuyên ngành liên quan như QHXD Đô thị, PCCC, v.v.

2.3. Cơ sở lý thuyết tổ chức và quản lý nhà nước về KG, KT, CQ các tuyến phố chính

2.3.1. Lý luận quản lý nhà nước tại đô thị

• **Quản lý đô thị:** Nội dung được quy định trong Luật Xây dựng, Luật Quy hoạch đô thị và tại các Luật quản lý chuyên ngành liên quan chủ yếu như sau:

- Ban hành các quy định về quản lý xây dựng và phát triển đô thị;
- Lập, xét duyệt và tổ chức thực hiện quy hoạch đô thị;
- Quản lý việc đầu tư và xây dựng các công trình;

- Phát triển KG, KT, CQ kết hợp bảo vệ các di sản văn hoá, lịch sử và môi trường đô thị;
- Quản lý việc sử dụng và khai thác kết cấu hạ tầng đô thị;
- Giải quyết tranh chấp, thanh tra và xử lý vi phạm.
- *Các lĩnh vực quản lý đô thị*
 - Quản lý QHXD đô thị; kết cấu hạ tầng đô thị (HTKT và HTXH).
 - Quản lý bất động sản, đất đai đô thị; tài chính đô thị.
- *Các cơ sở quản lý đô thị:* Hệ thống các văn bản pháp luật của Nhà nước, QHCT, quy chế,... là công cụ để bộ máy chính quyền đô thị quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố. Đồng thời việc đầu tư hệ thống phụ trợ với trang thiết bị tiện ích đô thị, công nghệ, thông tin liên lạc hiện đại, cùng với sự tham gia đóng góp của người dân sẽ là cơ sở quan trọng góp phần quản lý đô thị PTBV.



Sơ đồ 2.4: Sơ đồ phân cấp chính quyền đô thị tại TP. Hà Nội [Nguồn: <https://www.thudo.gov.vn/>]

2.3.2. Lý luận về quy hoạch và quản lý KG, KT, CQ đô thị

- QH đô thị bền vững, đô thị Xanh, đô thị thông minh: Phát triển KG,

KT, CQ theo hướng bền vững, xanh là xu thế toàn cầu và được định hướng ở Việt Nam với các tiêu chí: cấu trúc đô thị, địa điểm xây dựng phù hợp, sử dụng hợp lý tài nguyên, năng lượng, tạo lập chất lượng môi trường, bảo tồn bản sắc giá trị văn hóa đặc trưng. Hiện nay với chủ trương bảo vệ môi trường, lấy con người làm trung tâm, tạo công bằng xã hội, nhiều thành phố định hướng xây dựng Đô thị thông minh cụ thể: Kinh tế thông minh (có sức cạnh tranh với các nước trên thế giới), vận động thông minh (HTKT, giao thông kết hợp khoa học kỹ thuật), cư dân thông minh (nhân lực, năng lực được nâng cao), môi trường thông minh (sử dụng tài nguyên hợp lý), quản lý đô thị thông minh (hoàn chỉnh khung pháp lý kết hợp công nghệ hiện đại cùng tham gia của cộng đồng), chất lượng cuộc sống tốt (sức khỏe và các nhu cầu tiện ích xã hội của cư dân được nâng cao).

– Hình ảnh đô thị.

- + Lý thuyết của Kevin Lynch: đã phân tích từ 5 nhân tố tạo nên hình ảnh cho đô thị, đây cũng là các yếu tố tạo nên kiến trúc, cảnh quan tuyến phố: Lưu tuyến (Path), Khu vực hoặc mảng (District), Cạnh biên (Edge), Nút (Node), Mốc hay điểm nhấn (Landmark)
- + Lý thuyết của Roger Trancik: đã đề xuất đề ba phương pháp nghiên cứu lý luận thiết kế đô thị, đó là: Lý luận về quan hệ hình – nền, Lý luận về địa điểm, Lý luận liên hệ.
- + Lý thuyết hình ảnh đô thị của Jan Gehl: xây dựng khái niệm các hoạt động trong không gian công cộng.
- + Kiến trúc phong cảnh: Nguồn gốc của chuyên ngành KTCQ, bắt đầu từ sự phát triển không gian công cộng bên ngoài, là nhân tố tham gia vào thiết kế quy hoạch đô thị, KG, KT, CQ... tạo dựng môi trường sống tốt cho con người.

– Thiết kế đô thị: là một phần quan trọng, không thể thiếu đối với QHXD đô thị, là công cụ hữu hiệu của chính quyền trong quản lý đô thị. Thiết kế đô thị cụ thể hóa nội dung của QHXD về tổ chức không gian chức năng bên ngoài công trình, tạo cảnh quan và mỹ quan đô thị...

2.3.3. Lý luận về quản lý nhà nước đối với KG, KT, CQ đô thị

1) Nội dung của quản lý nhà nước tại đô thị:



Sơ đồ 2.5 : Vị trí của quản lý không gian kiến trúc cảnh quan trong quản lý đô thị
[Nguồn: GS.TS. Trần Trọng Hanh, Chuyên đề quản lý đô thị, ĐHKTHN]

2) Nội dung quản lý nhà nước về KG, KT, CQ:

- a) Đối với không gian đô thị: Không gian tổng thể và các không gian cụ thể trong đô thị được quản lý theo đồ án QHĐT, TKĐT, quy chế quản lý QHKT được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- b) Đối với cảnh quan đô thị: Do chính quyền đô thị trực tiếp quản lý việc xây dựng, cải tạo, chỉnh trang các công trình kiến trúc, công trình ngầm, tiện ích đô thị, v.v. bảo đảm sự phát triển bền vững của môi trường tự nhiên.
- c) Đối với kiến trúc đô thị: Các hoạt động xây dựng, cải tạo HTXH, HTKT,... phải phù hợp với QHĐT, TKĐT được duyệt, tuân thủ giấy phép xây dựng và các quy định tại quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc của địa phương.

3) Vai trò của xã hội dân sự và sự tham gia của cộng đồng, dân cư:

Trong thời đại ngày nay xã hội dân sự là một trong ba khu vực cơ bản, là “một đỉnh của tam giác” phát triển xã hội. Theo đó, kinh tế thị trường là điều kiện cần thiết cho sự phát triển, nhà nước pháp quyền là yếu tố quyết định trực tiếp đến sự phát triển và xã hội dân sự đảm bảo cho sự phát triển cân bằng, bền vững.

Vai trò của xã hội dân sự hiện nay ngày càng được nâng cao, khẳng định được vị thế trong việc quản lý đô thị, thể hiện ở các chức năng như: cầu nối các cá nhân với nhà nước; tham gia hoạch định và thực hiện các chủ trương, chính sách; tổ chức phản biện xã hội và giám sát, cũng như góp phần phát huy các nguồn lực nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của con người.

2.4. Tổng kết các kinh nghiệm thực tiễn về quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính

2.4.1. Kinh nghiệm trong nước

Phân chia các khu chức năng, kiểm soát các dự án giới hạn bởi các tuyến phố để hình thành trục KG, KT, CQ của khu vực, tuân thủ theo nguyên tắc quản lý và xây dựng theo QH, chủ động các giải pháp công khai thông tin QH; người dân được tham gia ý kiến về công tác di dời, giải tỏa, bố trí tái định cư.

2.4.2. Kinh nghiệm nước ngoài

QH dài hạn và đổi mới; khuyến khích sự đa dạng, phát triển toàn diện; đưa thiên nhiên gần gũi với con người; tối ưu hóa không gian công cộng; ứng dụng giao thông xanh và kiến trúc xanh; xây dựng cơ chế và phương pháp điều chỉnh, sử dụng đất hiệu quả; giáo dục, vận động tuyên truyền cộng đồng dân cư cùng tham gia công tác quản lý đô thị.

2.4.3. Các bài học kinh nghiệm có thể rút ra

- 1) Bài học thứ nhất: Rà soát, điều chỉnh xây dựng đồng bộ cơ sở pháp lý.
- 2) Bài học thứ hai: Có giải pháp thích hợp với điều kiện thể chế của từng nước, phù hợp với kinh tế, văn hóa từng địa phương.
- 3) Bài học thứ ba: Phân công cụ thể, rõ trách nhiệm cho từng chủ thể tham gia, đồng thời tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện, kịp thời đánh giá kết quả để nâng cao hiệu quả quản lý.

4) Bài học thứ tư: Việc quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố liên quan trực tiếp đến đời sống sinh hoạt dân cư, vì vậy đây là nhiệm vụ, trách nhiệm của cả cộng đồng xã hội, từ cơ quan Nhà nước đến mỗi người dân.

2.5. Các yếu tố tác động đến công tác quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội

2.5.1. Yếu tố lịch sử - văn hóa

NĐLS thành phố Hà Nội trải qua các thời kỳ phong kiến, pháp thuộc, hòa bình lặp lại (1954) và đổi mới (1986) đến nay, đã hình thành các hình thái không gian: Khu phố Cổ với việc quần cư, buôn bán theo phường hội; Khu phố Cũ với cấu trúc mạng tuyến phố ô bàn cờ, bên cạnh đó là các khu vực làng xóm dân cư, làng nghề truyền thống, và hệ thống các di sản văn hóa, lịch sử, v.v. tất cả đã gắn kết, hài hòa với nhau; cùng với đó là văn hóa, phong tục tập quán, sinh hoạt của người dân đã tác động không nhỏ đến công tác quản lý KTCQ các tuyến phố.

2.5.2. Yếu tố thực trạng KG, KT, CQ các tuyến phố chính

Hiện nay, việc QHĐT, dự án cải tạo, thiết kế công trình được triển khai còn thiếu sự hài hoà tổng thể giữa các phong cách kiến trúc, giữa các công trình với các di sản đô thị. Việc nghiên cứu định hướng giải pháp kiến trúc (hình khối, kiến trúc mặt đứng, màu sắc..) để hướng dẫn cấp phép xây dựng còn mang tính cục bộ, chung chung, đang là tồn tại tác động tiêu cực đến quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính.

2.5.3. Yếu tố quy hoạch đô thị và pháp luật

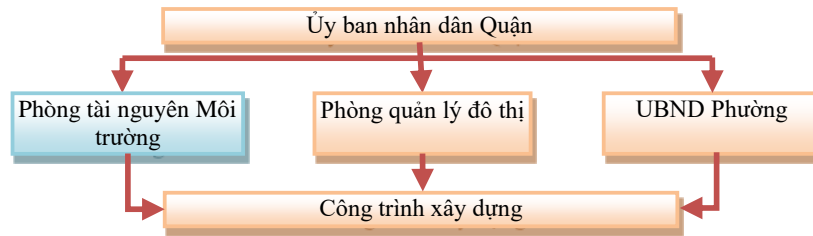
Việc quản lý KG, KT, CQ đô thị phải căn cứ vào cả hệ thống QH, TKĐT, quy chế quản lý, v.v. Hiện nay tuy đã có QHC 1259 nhưng do QHPK kèm theo quy chế quản lý tại một số khu vực NĐLS Hà Nội vẫn đang trong quá trình hoàn chỉnh, nên việc quản lý đang gặp nhiều khó khăn do thiếu công cụ. Mặt khác, các văn bản qui phạm pháp luật còn thiếu đồng bộ dẫn đến sự chông chéo trong công tác điều hành, tác động tiêu cực đến quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố.

2.5.4. Yếu tố tổ chức chính quyền địa phương

Công tác quản lý KG, KT, CQ đang chịu sự hướng dẫn và quản lý với sự lồng ghép về chức năng của nhiều cơ quan tham mưu từ trung ương đến địa phương.



Sơ đồ 2.6: Sơ đồ cơ cấu tổ chức quản lý kiến trúc, cảnh quan ở các thành phố trực thuộc trung ương [Nguồn: tác giả]



Sơ đồ 2.7: Sơ đồ phân công trách nhiệm giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến quản lý công trình xây dựng tại các quận. [Nguồn: tác giả]

2.5.5. Yếu tố vai trò của cộng đồng và sự tham gia của dân cư

Các quy định về công bố thông tin để tạo điều kiện cho người dân tham gia đều đã có. Tuy nhiên, thông tin thường được cung cấp không đầy đủ, thiếu tính liên kết. Mặt khác thiếu khung pháp lý về việc các cơ quan công quyền cần phản hồi lại những đóng góp đã gây ra việc người dân không tin vào các cấp chính quyền tại một số địa bàn, đây là nguyên nhân của các khiếu kiện, ảnh hưởng đến quản lý hình ảnh, mỹ quan đô thị và trật tự an toàn xã hội.

2.5.6. Các yếu tố khác

Điều kiện tự nhiên, điều kiện kinh tế - xã hội, phân bố dân số, công nghệ khoa học v.v. mỗi lĩnh vực đều có những đặc thù riêng đã có những tác động không nhỏ đến công tác quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố khu vực NĐLS thành phố Hà Nội.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP QUẢN LÝ KHÔNG GIAN, KIẾN TRÚC, CẢNH QUAN CÁC TUYẾN PHỐ CHÍNH KHU VỰC NỘI ĐÔ LỊCH SỬ THÀNH PHỐ HÀ NỘI. (LẤY ĐỊA BÀN QUẬN BA ĐÌNH LÀM VÍ DỤ NGHIÊN CỨU)

3.1. Quan điểm và mục tiêu

3.1.1. Quan điểm

- 1) Tuân thủ các quy định của pháp luật, các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy phạm, các chính sách và cơ chế liên quan;
- 2) Đảm bảo thống nhất QH, đồng bộ với TKĐT và quy chế quản lý KG, KT, CQ chung;
- 3) Có phương pháp, giải pháp cụ thể tổ chức thực hiện;
- 4) Thực hiện phân công, phân cấp trong quản lý điều hành;
- 5) Tăng cường sự tham gia hiệu quả của cộng đồng dân cư.

3.1.2. Các mục tiêu

- 1) Tạo cảnh quan, tuyến phố đẹp, kết nối khu vực NĐLS với các khu vực xung quanh, đồng thời kiểm soát đồng bộ qui trình đầu tư hệ thống HTXH; HTKT đô thị;
- 2) Phát huy các giá trị đặc thù, bảo tồn, tôn tạo các giá trị văn hóa, lịch sử tạo lập nên bản sắc của đô thị;
- 3) Giúp việc quản lý đô thị phát triển theo hướng bền vững, hiệu quả.

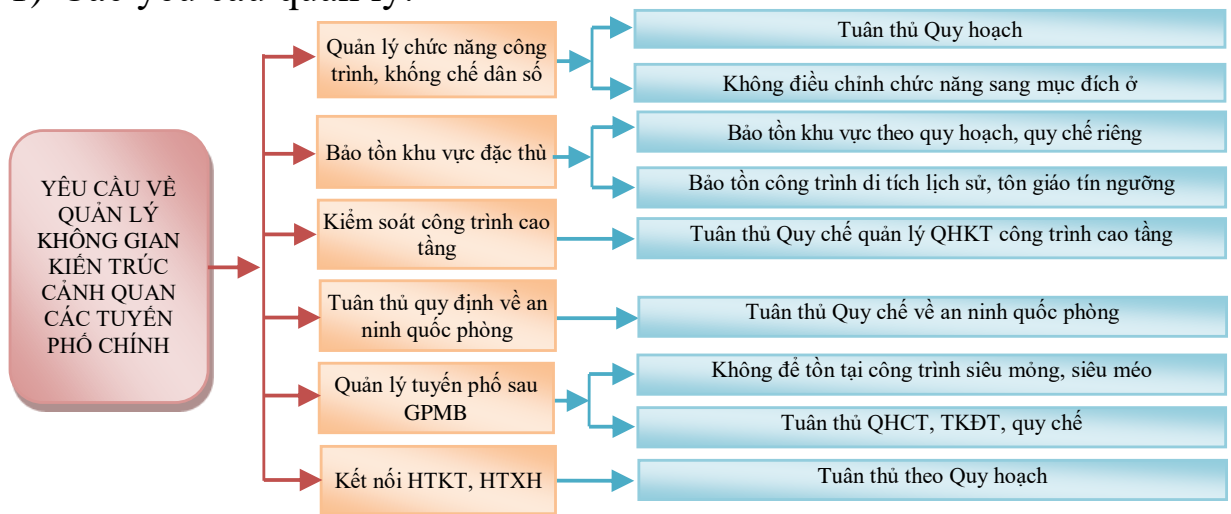
3.2. Nguyên tắc và bộ tiêu chí quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội

3.2.1. Các nguyên tắc

- 1) Phù hợp với yêu cầu quản lý theo phân loại, phân cấp đô thị.
- 2) Tuân thủ các cơ sở pháp lý về quản lý KG, KT, CQ.
- 3) Đáp ứng đồng bộ các tiêu chí quản lý KG, KT, CQ.
- 4) Tổ chức thực hiện đầy đủ, đúng quy trình nội dung quản lý KG, KT, CQ.
- 5) Phân cấp quản lý giữa chính quyền và các ngành, tổ chức xã hội
- 6) Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, chú trọng thường xuyên công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý.
- 7) Thí điểm công tác quản lý KG, KT, CQ tại một số tuyến phố điển hình

3.2.2. Bộ tiêu chí quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính

1) Các yêu cầu quản lý:



Sơ đồ 3.1: Yêu cầu về quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính tại khu vực NĐLS thành phố Hà Nội. [Nguồn: Tác giả]

2) Bộ tiêu chí quản lý:

- a) Bố cục tổng thể không gian kiến trúc: Xác định kiến trúc tổng thể khu vực NĐLS theo định hướng phát triển của QHC Thủ đô Hà Nội
- b) Tuyến phố: Lòng đường, vỉa hè, bãi đỗ xe, giải phân cách, vạch giao thông,.. được hình thành đồng bộ, xác định rõ ranh giới.
- c) Chỉ giới: Công bố, cắm mốc chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi, chiều cao công trình.
- d) Công trình: Xác định cụ thể chức năng, mật độ xây dựng, chiều cao công trình cũng như vị trí công trình hạ tầng kỹ thuật.
- e) Các công trình ngầm: Kiểm soát chặt chẽ, thiết kế đồng bộ với các công trình nổi và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị.
- f) Sử dụng đất: Phải có QH và kế hoạch sử dụng đất cho từng khu vực, từng tuyến phố trong NĐLS theo định hướng QHC của Thủ đô.
- g) Các di tích lịch sử văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng: Cần được bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị truyền thống.
- h) Cây xanh đường phố: Lựa chọn chủng loại đúng mục đích sử dụng và thích nghi khí hậu khu vực; đồng thời có cơ chế duy tu, bảo dưỡng.

- i) Biển báo, quảng cáo: Cần có những quy định cụ thể và thiết kế mẫu gợi ý về kích thước, màu sắc, ngôn ngữ,...
- j) Chiếu sáng: Cần có các quy định về độ sáng, màu sắc, thời gian chiếu sáng để tiết kiệm năng lượng.
- k) Các hoạt động và phương tiện: Đầu tư và qui định cụ thể việc khai thác, sử dụng để nâng cao trách nhiệm, ý thức của người dân khi tham gia các hoạt động trong không gian đô thị.

3.3. Các nhóm giải pháp quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội

3.3.1. Phân vùng quản lý kiến trúc, cảnh quan và phân loại, phân cấp quản lý các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội

1) Phân vùng quản lý KG, KT, CQ

STT	TÊN QHPK	KÝ HIỆU	QUY MÔ	RANH GIỚI
1	Khu Trung tâm chính trị Ba Đình	A1	134,4 ha	+ Phía Bắc là phố Phan Đình Phùng, đường Thanh Niên, hồ Tây, đường Hoàng Hoa Thám; + Phía Nam là đường Trần Phú, Nguyễn Thái Học và Sơn Tây; + Phía Đông là đường Nguyễn Tri Phương; + Phía Tây là đường Ngọc Hà.
2	Khu di sản Hoàng thành Thăng Long	A2	18,35 8 ha	+ Phía Bắc giáp với đường Phan Đình Phùng; + Phía Nam giáp với đường Trần Phú; + Phía Đông giáp với đường Nguyễn Tri Phương; Phía Tây giáp với phố Hoàng Văn Thụ, Độc Lập, Bắc Sơn, Hoàng Diệu
3	Khu phố Cổ	A3	82 ha	+ Phía Bắc giáp với Phan Đình Phùng, Hàng Đậu; + Phía Nam giáp với Hàng Bông, Hàng Gai, Cầu Gỗ, Hàng Thùng; + Phía Đông giáp với Yên Phụ, Trần Nhật Duật, Trần Quang Khải; + Phía Tây giáp với Phùng Hưng;
4	Khu phố Cũ	A4	507,8 8 ha	+ Phía Bắc giáp bờ nam Hồ Tây - đường Ven Hồ, Thanh Niên; + Phía Nam giáp với đường Đại Cồ Việt, phố Nguyễn Công Trứ, Lò Đúc, Lê Quý Đôn; + Phía Đông giáp với giáp đường Yên Phụ, Trần Quang Khải, Trần Khánh Dư, Nguyễn Khoái; + Phía Tây giáp dốc La Pho, các phố Hoàng Hoa Thám, Phan Đình Phùng, Nguyễn Tri Phương, Trần Phú, Chu Văn An, Nguyễn Thái Học, Lê Duẩn, Trần Nhân Tông, Nguyễn Đình Chiểu.
5	Khu vực Hồ Gươm và phụ cận.	A5	63,72 ha	+ Phía Bắc giáp với phố Hàng Gai, Cầu Gỗ, Hàng Thùng + Phía Nam giáp với phố Đặng Thái Thân, Hai Bà Trưng + Phía Đông giáp với phố Lý Thái Tổ, Lê Lai; khu vực Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các phố Lý Đạo Thành, Tông Đản và Phạm Ngũ Lão + Phía Tây giáp với phố Hàng Trống, Nhà Thờ, Áu Triệu, khu vực Nhà Thờ lớn và các phố Nhà Chung, Quang Trung
6	Khu vực Hồ Tây và phụ cận	A6	1009, 02 ha	+ Phía Bắc giáp với nút giao thông cầu Nhật Tân + Phía Nam giáp với đường Hoàng Hoa Thám, đường ven hồ Tây, Thanh Niên + Phía Đông giáp với đường An Dương Vương, Âu Cơ, Nghi Tàm + Phía Tây giáp với đường vành đai 2 + Quy mô khoảng: 1009,02ha
7	Khu vực hạn chế	A7		

phát triển				
Khu vực Văn Miếu và phụ cận	A7.1	37,56 ha	+ Phía Bắc giáp với Nguyễn Thái Học. + Phía Nam giáp với Cát Linh, Tôn Đức Thắng, khu vực dân cư quận Đống Đa. + Phía Đông giáp với phố Trần Quý Cáp, Nguyễn Khuyến, Lê Duẩn. + Phía Tây giáp với phố Trịnh Hoài Đức	
Khu vực hạn chế phát triển	A7.2	2028, 307 ha	+ Phía Bắc giáp với đường Hoàng Hoa Thám. + Phía Nam và Tây Nam giáp với phố Bưởi. Láng, Trường Chinh, Đại La, Minh Khai, Vĩnh Tuy. + Phía Đông và Đông Bắc giáp với các khu vực Trung tâm chính trị Ba Đình, khu Văn Miếu và phụ cận, khu phố cũ, đường Nguyễn Khoái	

2) Phân loại và phân cấp quản lý các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội

– Phân loại các tuyến phố chính

Bảng 3.1: Các cơ sở phân loại, đánh giá các tuyến phố chính

Cơ sở đánh giá, phân loại không gian kiến trúc cảnh quan các tuyến phố				Xếp loại
Theo tổ chức giao thông	Theo giá trị lịch sử - văn hóa	Theo quy mô xây dựng	Theo chất lượng KG, KT, CQ	
– Các tuyến phố được xếp loại theo sự đánh giá, phân tích các tuyến phố đó thuộc loại tuyến đường vành đai, các tuyến hướng tâm, các tuyến phố có lộ giới $\geq 30m$ hoặc có lộ giới $\leq 30m$ nhưng có giá trị lịch sử	– Các tuyến phố được xếp loại theo sự đánh giá, phân tích các tuyến phố đó thuộc các khu vực đặc thù, các khu vực cần được bảo tồn và tôn tạo hay khu vực cũ.	– Các tuyến phố được xếp loại theo sự đánh giá, phân tích theo mật độ xây dựng, chiều cao công trình, chỉ giới xây dựng, khoảng lùi,... của các cơ quan quản lý	– Các tuyến phố được xếp loại theo sự đánh giá, phân tích về hạ tầng cơ sở, các tiện ích xã hội, chất lượng môi trường đô thị, các không gian công cộng, các không gian cảnh quan sông hồ, cây xanh trên các tuyến phố đó.	– Theo các tiêu chí đánh giá các tuyến phố theo loại A,B,C

– Hệ thống phân cấp quản lý các tuyến phố chính

- + Hệ thống các tuyến phố chính: Các tuyến phố chính được đánh giá theo các chỉ tiêu A,B,C (tại Phụ lục 7 trang p7 đến trang p16).
- + Phân cấp quản lý các tuyến phố chính: Bộ giao thông và các bộ ngành liên quan, UBND Thành phố Hà Nội, UBND các quận, UBND các phường, các đơn vị đặc thù.

3.3.2. Bổ sung và hoàn thiện các cơ sở pháp lý quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội

– Rà soát và bổ sung các cơ sở pháp lý:

- + Rà soát hoàn thiện hệ thống QHXD gồm QHPK, QHCT, QH hạ tầng kỹ thuật và thiết kế đô thị theo QHC.
- + Rà soát, rút gọn qui trình các thủ tục hành chính, đồng thời cần nâng cao năng lực quản lý.
- + Xác lập quỹ đất dự phòng để có không gian dự trữ cho phát triển đô thị trong tương lai.
- + Hoàn chỉnh các cơ sở pháp lý để thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý không gian văn hoá di sản kết hợp với quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính.
- Hoàn thiện danh mục dự án và các giải pháp thực hiện:

- + Hoàn thiện chương trình phát triển đô thị, rà soát, bổ sung phù hợp với yêu cầu thực tiễn quản lý KTCQ phố Cổ, phố Cũ Hà Nội, thực hiện nghiêm đề án giảm dân phố Cổ; quy chế quản lý QH, kiến trúc công trình cao tầng trong khu vực NĐLS; đồng thời cần phải có thiết kế đô thị hoàn chỉnh.
- + Thực hiện nghiêm túc kế hoạch di dời cơ sở công nghiệp, kho tàng gây ô nhiễm môi trường và cơ sở đào tạo, y tế, cơ quan, v.v. không phù hợp QH ra khỏi khu vực nội đô, tạo điều kiện tăng quỹ đất cho các chức năng cây xanh, mặt nước, giao thông công cộng.
- + Quy định cụ thể nội dung, qui trình cấp phép xây dựng và chế tài xử lý vi phạm.
- + QH hoàn chỉnh hệ thống không gian ngầm kết hợp đồng bộ HTKT, cây xanh, mặt nước và các tiện ích xã hội khác.
- + Rà soát danh mục và kế hoạch bảo tồn các công trình kiến trúc có giá trị.
- + Hoàn chỉnh kế hoạch di dời các nghĩa trang theo QHC của Thành phố.

3.3.3. Tổ chức thực hiện nội dung quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội.

1) Quản lý không gian các tuyến phố

– Về đầu tư và xây dựng: Đổi mới cơ chế quản lý phát triển đô thị, nâng cao chức năng và quyền hạn của các cấp chính quyền, tăng cường các nguồn lực, xây dựng hệ thống các quỹ phát triển đô thị, tăng cường công tác quản lý đất đai, kêu gọi đầu tư theo hướng nhà nước và nhân dân cùng làm.

– Khai thác và sử dụng không gian tuyến phố chính: Cần phải có TKĐT nhằm quản lý xây dựng, khai thác các công trình với các yếu tố:

- + Tuân thủ chức năng sử dụng đất, mật độ xây dựng, khoảng lùi chiều cao, màu sắc và vật liệu hoàn thiện công trình.
- + Thiết kế đồng bộ HTKT, các công trình ngầm, hệ thống cây xanh và các tiện ích đô thị.
- + Thiết kế đồng bộ việc cải tạo, chỉnh trang mặt đứng các công trình kiến trúc trên các tuyến phố.
- + Bảo tồn tôn tạo công trình kiến trúc có giá trị.

– Quản lý hạ tầng kỹ thuật và không gian ngầm: Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các văn bản pháp lý, quy hoạch HTKT cũng như phân công, phân cấp quản lý cụ thể về: Tổ chức giao thông, bãi đỗ, nơi để xe, đường sắt đô thị, các hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác.

2) Quản lý kiến trúc các tuyến phố chính.

- Kiểm soát hình ảnh các tuyến phố chính: Mật độ, chiều cao, chỉ giới, v.v.
- Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử văn hóa và công trình kiến trúc có giá trị.
- Chỉnh trang và cải tạo công trình kiến trúc trên tuyến phố chính
- Quản lý đầu tư và xây dựng mới các công trình.

3) Quản lý cảnh quan các tuyến phố chính

- Quản lý cây xanh, mặt nước, quảng trường.
- Quản lý biển báo, quảng cáo và 1 số tiện ích kết hợp liên quan.
- Quản lý cấp điện, cấp thoát nước, chiếu sáng, thông tin liên lạc và các tiện ích xã hội khác.

3.3.4. Phân công, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

– Chính phủ: Định hướng cho sự phát triển tổng thể đô thị, trong đó có lĩnh vực KG, KT, CQ các tuyến phố chính.

– Các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Tham mưu đề xuất các chính sách, quy hoạch đồng thời hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện

– UBND các cấp: Đôn đốc và cụ thể hóa quyết định của các cấp có thẩm quyền về việc đầu tư, xây dựng, quản lý KG, KT, CQ tại đô thị, đặc biệt trên các tuyến phố chính.

– Cấp quận, cấp phường, cấp đặc thù: là đơn vị thực thi triển khai trực tiếp các công tác quản lý tại địa bàn, trong đó có quản lý KTCQ tại các tuyến phố theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

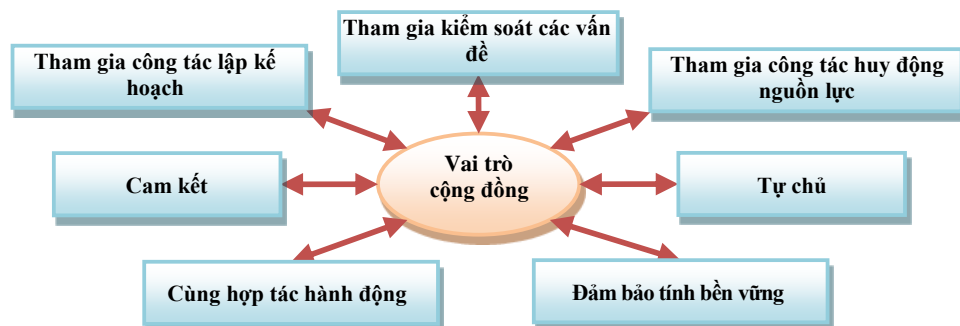
– Các cơ quan tham mưu: Sở Giao thông, Sở QH - Kiến trúc, Sở TNMT, Sở Xây dựng Hà Nội, Viện QHXD Hà Nội... cần có sự phối hợp, thống nhất các văn bản để có thể đưa ra hướng dẫn, giải pháp quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố đạt hiệu quả tối ưu.

3.3.5. Vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của cộng đồng dân cư trong quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội

– Mặt trận tổ quốc các cấp: tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện thi hành chính sách, pháp luật.

– Tổ chức phi chính phủ (NGO), tổ chức xã hội nghề nghiệp: Động viên và phát huy tính tích cực của các tầng lớp nhân dân, góp phần vào công tác quản lý Nhà nước, quản lý xã hội; đồng thời cùng người dân tham gia giám sát, kiểm tra.

– Cộng đồng dân cư:



Sơ đồ 3.3: Sơ đồ vai trò của cộng đồng trong quản lý đô thị [Nguồn: Tác giả]

– Người dân: Được cung cấp thông tin về QH, các dự án đầu tư xây dựng tại địa bàn; tham gia các hoạt động do các tổ chức, đoàn thể tại địa phương cũng như cử người có năng lực và uy tín đại diện cho cộng đồng tham gia, quyết định các công việc.

3.3.6. Các chính sách và biện pháp quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội

Tăng cường tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức kết hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý các vi phạm. Mặt khác hoàn thiện các cơ chế chính sách quản lý, huy động các nguồn lực xã hội góp phần nâng cao năng lực hiệu quả quản lý.

3.4. Quản lý KG, KT, CQ tuyến phố đặc trưng của quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

3.4.1. Vị trí của quận Ba Đình trong khu vực NĐLS thành phố Hà Nội

Quận Ba Đình nằm phía Tây thành phố Hà Nội được giới hạn phía Bắc giáp quận Tây Hồ, Nam giáp quận Đống Đa, Đông giáp sông Hồng, Đông Nam giáp quận Hoàn Kiếm, Tây giáp quận Cầu Giấy. Với diện tích 9,248km², dân số khoảng 226 nghìn người, mật độ dân số 24.360 người/ km²

3.4.2. Một số giải pháp quản lý KG, KT, CQ tuyến phố đặc trưng của quận Ba Đình

1) Lựa chọn tuyến phố nghiên cứu thí điểm

Lựa chọn tuyến phố Phan Kế Bính (đoạn Liễu Giai - Núi Trúc - Giang Văn Minh - Sơn Tây) bao gồm một phần đã được xây dựng ổn định, chỉ cải tạo, chỉnh trang và một đoạn sẽ được mở đường mới.



Hình 3.22: Phạm vi ranh giới tuyến phố thí điểm

– Vị trí: Nằm trên địa bàn các phường Liễu Giai, phường Đội Cấn, phường Ngọc Khánh, phường Kim Mã, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

– Phạm vi ranh giới: Phía Bắc giáp các tuyến đường nội bộ khu dân cư các phường Liễu Giai, Đội Cấn; Phía Nam giáp các tuyến đường nội bộ, bãi đỗ xe, khu thể thao và khu dân cư các phường Ngọc Khánh, Kim Mã; Phía Đông giáp các tuyến đường nội bộ và khu dân cư các phường Đội Cấn, Kim Mã; Phía Tây giáp phố Liễu Giai.

– Quy mô nghiên cứu: Khoảng 11,45 ha. Chiều dài toàn tuyến khoảng 1654m.

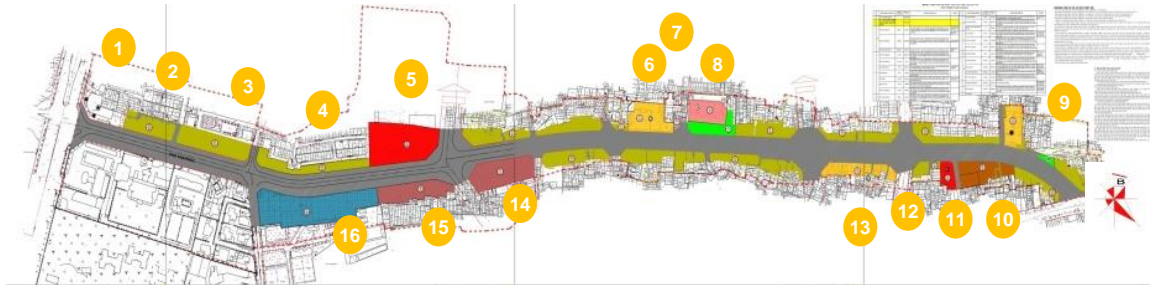
2) Phân tích hiện trạng sử dụng đất tuyến phố



Hình 3.23: Mặt bằng đánh giá hiện trạng sử dụng đất tuyến phố thí điểm



Hình 3.24: Mặt bằng đánh giá hiện trạng chiều cao tuyến phố thí điểm



Hình 3.25: Mặt bằng đánh giá dự án trên tuyến phố thí điểm

3) Nghiên cứu các giải pháp quản lý KG, KT, CQ đối với tuyến phố thí điểm

- Quản lý KG, KT, CQ theo thiết kế đô thị được duyệt.
- Phương án xử lý với công trình không đủ điều kiện.
 - + Các trường hợp không đủ điều kiện về mặt bằng xây dựng.
 - + Các trường hợp bị cắt xén, cải tạo chỉnh trang giữ nguyên theo hiện trạng.
 - + Các trường hợp xây dựng mới.
- Cơ chế chính sách đối với việc giải phóng mặt bằng các công trình không đủ điều kiện về mặt bằng xây dựng.

3.5. Bàn luận kết quả nghiên cứu

3.5.1. Các kết quả nghiên cứu chủ yếu của luận án

1) Luận án đã nêu tổng quan về thực trạng công tác quản lý KG, KT, CQ tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội, trong đó nghiên cứu các kinh nghiệm của các thành phố tương đồng trong nước và trên thế giới.

2) Luận án đã nêu các cơ sở pháp lý và cơ sở lý thuyết về quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính trong khu vực NĐLS thành phố Hà Nội.

3) Luận án đề xuất nguyên tắc, xây dựng bộ tiêu chí, các nhóm giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý KG, KT, CQ, áp dụng thí điểm tại tuyến phố chính quận Ba Đình, từ đó từng bước áp dụng trên địa bàn NĐLS thành phố Hà Nội.

3.5.2. Bàn luận về các kết quả nghiên cứu chủ yếu

1) Bàn luận về nguyên tắc quản lý: Trong bối cảnh tốc độ đô thị hóa cao, bên cạnh việc phát triển đô thị thì việc quản lý, cải tạo, chỉnh trang các khu vực hiện hữu là yêu cầu quan trọng và cấp bách, trong đó có công tác quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố. Qua khảo sát thực tế kết hợp nghiên cứu các cơ sở khoa học, luận án đã đề xuất 7 nguyên tắc chung, xây dựng bộ danh mục tiêu chí và đề xuất nhóm giải pháp quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội.

2) Bàn luận về quy trình nâng cao hiệu quả quản lý: Công tác quản lý KG, KT, CQ tại thành phố Hà Nội được thực hiện thông qua về nguyên tắc việc phân cấp quản lý. Chính vì khác nhau về nhận thức và năng lực nên có sự thiếu đồng bộ đối với phương thức quản lý và quy trình thực hiện. Từ thực tiễn trên, luận án đã nghiên cứu đề xuất thống nhất quy trình cụ thể để tổ chức thực hiện hiệu quả.

3) Bàn luận về đổi mới cơ cấu tổ chức quản lý: Việc quản lý theo mô hình cơ cấu đã được quy định chung, song với loại đô thị đặc biệt Hà Nội, tại điều 10 Luật Thủ đô quy định về quản lý KG, KT, CQ cho phép có cơ chế đặc thù. Trên cơ sở đó, luận án đã nghiên cứu đề xuất đổi mới về cơ cấu tổ chức phân cấp tới cấp phường, cấp đặc thù. Trong bối cảnh cần nâng cao hiệu quả quản lý, các đề xuất của Luận án góp phần để các cấp chính quyền tham khảo, thí điểm và từ đó rút kinh nghiệm, áp dụng nhân rộng trên địa bàn thành phố Hà Nội.

4) Bàn luận về ứng dụng thực tiễn quản lý các tuyến phố chính tại quận Ba Đình: Luận án lựa chọn tuyến phố Phan Kế Bính (đoạn Liễu Giai - Núi Trúc - Giang Văn Minh - Sơn Tây) để áp dụng thí điểm vì bao gồm đủ tính chất: xây dựng ổn định, cải tạo, chỉnh trang và mở đường mới, với những nội dung quản lý cụ thể theo TKĐT được duyệt, trong đó đề xuất Phương án xử lý với công trình trong các trường hợp: (i) Không đủ điều kiện về mặt bằng xây dựng, (ii) Bị cắt xén, cải tạo chỉnh trang giữ nguyên theo hiện trạng, (iii) Các trường hợp xây dựng mới; Cơ chế chính sách đối với GPMB các công trình không đủ điều kiện về mặt bằng xây dựng. Đây là những vấn đề vướng mắc cụ thể hay gặp trong thực tiễn, việc giải quyết thấu tình đạt lý góp phần nâng cao chất lượng quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính.

5) Đánh giá tính khoa học và thực tiễn của những đóng góp mới trong Luận án: Việc đề xuất nguyên tắc, xây dựng bộ tiêu chí quản lý KG, KT, CQ, quy trình và đưa ra các nhóm giải pháp cũng như đề xuất về cơ chế chính sách, cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cấp chính quyền đô thị cùng với các biện pháp phát huy vai trò và sự tham gia của cộng đồng dân cư góp phần cho sự phát triển bền vững của Thăng Long-Hà Nội.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Trên cơ sở các nội dung đã được phân tích, trình bày, luận án đi đến kết luận như sau:

1.1. Sự cần thiết của đề tài nghiên cứu

Hiện nay, Hà Nội và cả nước đang trên đường đổi mới và hội nhập quốc tế, dưới tác động tất yếu của quá trình đô thị hóa đã tác động đến hình ảnh KTCQ. Công tác quản lý đô thị, trong đó có việc quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố luôn bị động theo các sự vụ, chưa có cái nhìn hệ thống, căn bản, lâu dài nên chưa hiệu quả. Vì vậy, đề tài luận án “Quản lý KG, KT, CQ các tuyến

phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội (lấy địa bàn quận Ba Đình làm ví dụ nghiên cứu)” là cần thiết và cấp bách.

1.2. Các vấn đề cần tập trung giải quyết

- Nhận diện quỹ di sản đô thị, kiến trúc đặc trưng;
- Hoàn thiện các cơ sở pháp lý, quản lý KG, KT, CQ tuyến phố chính NĐLS;
- Phân công, phân cấp, làm rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cấp chính quyền cũng như nâng cao năng lực quản lý của các cán bộ;
- Làm rõ vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của cộng đồng dân cư tham gia;
- Đưa ra các giải pháp để quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội hiệu quả và thiết thực.

1.3. Cơ sở pháp lý

Luận án đã tổng hợp, phân tích hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến quản lý KG, KT, CQ, qua đó thấy được sự thiếu đồng bộ, sự phân công chồng chéo giữa các cấp trong công tác quản lý làm cơ sở rà soát, bổ sung hoàn thiện cơ sở pháp lý góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý đô thị.

1.4. Cơ sở lý luận

Luận án đã phân tích các cơ sở khoa học lý luận thực tiễn và lý thuyết về những tồn tại trong quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố. Qua đó nhận diện các vấn đề bất cập để đưa ra các giải pháp hữu hiệu quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội.

1.5. Các bài học rút ra từ kinh nghiệm thực tiễn

- Cần xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật trong công tác quản lý.
- Các giải pháp quản lý phải phù hợp với điều kiện thể chế của từng khu vực, phù hợp với kinh tế, văn hóa - xã hội từng địa phương.
- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức cũng như tăng cường thanh kiểm tra.
- Đẩy mạnh công tác phân cấp quản lý, làm rõ trách nhiệm đối với người đứng đầu trong hệ thống quản lý KTCQ đô thị.
- Phát huy xã hội hóa, khuyến khích sự tham gia đóng góp của cộng đồng dân cư.

1.6. Các yếu tố tác động đến công tác quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội.

Các yếu tố: lịch sử - văn hóa, điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội; thực trạng, QHĐT và pháp luật, tổ chức chính quyền địa phương, vai trò của cộng đồng, yếu tố sự phân bố dân cư, công nghệ khoa học, v.v.. đã tác động đa chiều đến công tác quản lý KG, KT, CQ khu vực NĐLS, tạo nên nét đặc trưng kiến trúc của Hà Nội qua từng thời kỳ, cùng với phong tục tập quán, lối sống dân cư góp phần tạo dựng nên một Hà Nội ngàn năm văn hiến.

1.7. Các nguyên tắc và tiêu chí

Các nguyên tắc và tiêu chí cụ thể: Xây dựng chương trình phát triển đô thị; hoàn thiện hệ thống QHXD gắn kết với QH ngành; hoàn chỉnh hệ thống không gian ngầm, đồng bộ quy hoạch hệ thống HTKT; bảo tồn, phát huy giá trị các khu

vực đặc thù, các công trình di tích lịch sử, tôn giáo tín ngưỡng; QH hoàn chỉnh hệ thống cây xanh, biển quảng cáo; đổi mới bộ máy quản lý, nâng cao trách nhiệm các cấp chính quyền; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, xây dựng cơ chế giám sát cộng đồng để phát huy vai trò người dân,... làm cơ sở hình thành nhóm giải pháp quản lý KG, KT, CQ tuyến phố chính khu vực NĐLS một cách hiệu quả.

1.8. Các nhóm giải pháp quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội.

Phân vùng và phân loại tuyến phố, bổ sung và hoàn thiện các cơ sở pháp lý, tổ chức thực hiện nội dung quản lý, phân công, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan quản lý, cũng như xác lập vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của cộng đồng dân cư ... là các biện pháp cụ thể, đồng bộ để quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội.

1.9. Một số giải pháp quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính quận Ba Đình

Tuân thủ theo QHPK đô thị H2-1 và các QHCT 1/500; Tiêu chí phân loại ô đất, xử lý các ô đất không đủ điều kiện về mặt bằng xây dựng thực hiện theo quyết định 15/2011/QĐ-UBND ngày 06/5/2011 của UBND thành phố Hà Nội; thực hiện nghiêm việc cấp phép theo quy định tại Quyết định số 59/2013/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội và Nghị định số 64/2012/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Kiến nghị

- Đối với cơ quan Chính phủ: Cần sớm ban hành Luật QH để thống nhất các hệ thống QHC, nhằm điều chỉnh các nội dung không còn phù hợp với định hướng phát triển hiện nay.

- Đối với cơ quan Bộ xây dựng: Cần sớm điều chỉnh hệ thống Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng để phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội, hòa nhập với khu vực và trên thế giới.

- Đối với cơ quan Thành Phố: Cần sớm hoàn thiện đồng bộ các QH, Quy chế quản lý và các quy định hướng dẫn liên quan.

- Đối với cơ quan Quận Ba Đình và các cơ quan liên quan, cần có sự thống nhất và có hình thức phối hợp thường xuyên trong cơ chế quản lý trật tự xây dựng, kiến trúc, cảnh quan tại các tuyến phố.

- Các cơ quan tuyên truyền cần có chương trình ưu tiên phổ biến pháp luật với các chính sách, QH tới người dân để nắm bắt và đồng thuận thực hiện.

- Khuyến khích các nhà đầu tư tham gia vào các dự án QH, các dự án xây dựng, bảo tồn, cải tạo chỉnh trang các tuyến phố theo hình thức xã hội hóa.

Các kiến nghị nêu trên không chỉ nhằm hoàn thiện lý thuyết mà còn đóng góp quan trọng trong thực tiễn để nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý KG, KT, CQ các tuyến phố chính khu vực NĐLS thành phố Hà Nội.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Trần Thọ Hiền (2006), *Chợ truyền thống – một không gian kiến trúc cộng đồng cần được giữ gìn*, Tạp chí kiến trúc VN số 06/2006.
2. Trần Thọ Hiền (2013), *Đường và phố Quận Ba Đình – Những giá trị cũ và cơ hội mới*, Tạp chí kiến trúc VN số 07/2013
3. Trần Thọ Hiền (2015), *Nâng cao hiệu lực quản lý Kiến trúc cảnh quan khu Nội đô lịch sử Hà Nội*, Tạp chí Kiến trúc VN số 01/2015